TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M'ĐRẮK** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: **07**/2020/DS-ST
Ngày 24 - 4 - 2020
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đình Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Trọng Búp, ông Nguyễn Văn Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hòa Bình, thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Y Gon Niê - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2020 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 130/2019/TLST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 06/4/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N

Địa chỉ: đường L, phường T, Quận B, TP. Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lưu Hải T1 – Chức vụ: Phó giám đốc phụ trách điều hành Ngân hàng N – Chi nhánh huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Văn T2 Theo văn bản ủy quyền số 28/NHNoMDR ngày 02 tháng 01 năm 2020 (Có mặt).

Địa chỉ: đường N1, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T2, bà Trịnh Thị T3. Cùng địa chỉ: Thôn 4, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk (Ông T2, bà T3 đều vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn T4, sinh năm 1993; chị Nguyễn Thị T5, sinh năm 1994. Cùng địa chỉ: Thôn 4, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk (anh T4, chị T5 đều vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 18/12/2017 Ngân hàng N – Chi nhánh huyện M (gọi tắt là Ngân hàng) cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T2 bà Trịnh Thị T3 vay số tiền 200.000.000 đồng theo hợp

đồng tín dụng số 5210LAV201703058. Mục đích vay tiền để trồng mía, chăn nuôi bò, mua sắm vật dụng gia đình; thời hạn vay 36 tháng, phân kỳ trả nợ gốc: ngày 18/12/2018 trả 50.000.000 đồng; ngày 18/12/2019 trả 50.000.000 đồng; ngày 18/12/2020 trả 100.000.000 đồng. Tiền lãi trả theo kỳ gốc, lãi suất trong hạn là 12%/năm, lãi quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn.

Để đảm bảo cho khoản vay vợ chồng ông T2 bà T3 thế chấp: Quyền sử dụng đất diện tích 6.756m^2 tại Thôn 4, xã C, huyện M và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U258090, thửa số 84 tờ bản đồ số 22 được UBND huyện M, tỉnh Đăk Lăk cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T2 ngày 10/3/2002, hợp đồng thế chấp số H313/2017/BĐTV ngày 14/12/2017.

Tính đến ngày 26/4/2019 ông T2 bà T3 mới trả cho Ngân hàng 3.900.000 đồng tiền gốc và 24.937.496 đồng tiền lãi, trong đó lãi trong hạn là 24.854.795 đồng, lãi quá hạn là 82.701 đồng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định tại Điều 4 của hợp đồng.

Ngân hàng yêu cầu vợ chồng ông T2 bà T3 phải trả cho Ngân hàng số nợ tính đến hết ngày 24/4/2020 là 230.935.293 đồng, trong đó: 196.100.000 đồng tiền gốc và 31.092.361 đồng tiền lãi trong hạn, 3.742.932 đồng tiền lãi quá hạn. Từ ngày 25/4/2020 tiếp tục tính lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn trên nợ gốc theo quy định của hợp đồng tín dụng.

Trường hợp vợ chồng ông T2 bà T3 không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết bị đơn bà Trịnh Thị T3 trình bày:

Ngày 18/12/2017 vợ chồng bà có ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng vay số tiền 200.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 5210LAV201703058 và có thế chấp tài sản để đảm bảo cho khoản vay như nguyên đơn trình bày.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng bà mới trả cho Ngân hàng 3.900.000 đồng tiền gốc và 24.937.496 đồng tiền lãi, trong đó lãi trong hạn là 24.854.795 đồng, lãi quá hạn là 82.701 đồng.

Ngân hàng yêu cầu vợ chồng bà phải trả 196.100.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo hợp đồng, bà T3 đồng ý. Nhưng do điều kiện kinh tế hiện đang rất khó khăn nên bà T3 chưa có điều kiện trả nợ được cho ngân hàng.

Trường hợp gia đình bà T3 trả xong nợ thì yêu cầu Ngân hàng trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nếu không trả được nợ thì bà T3 đồng ý xử lý tài sản thế chấp để trả nợ cho ngân hàng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T2 cố tình lẩn tránh, Tòa án đã niêm yết các thủ tục tố tụng theo quy định mà ông Nguyễn Văn T2 vắng mặt không có lý do.

Quá trình giải quyết người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T4, chị Nguyễn Thị T5 trình bày:

Chúng tôi là con của ông Nguyễn Văn T2 và bà Trịnh Thị T3. Việc bố mẹ

chúng tôi có vay vốn của Ngân hàng số tiền 200.000.000 đồng và có thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U258090, thửa số 84 tờ bản đồ số 22; diện tích 6.756m^2 do UBND huyện M, tỉnh Đăk Lăk cấp ngày 10/3/2002 cho hộ ông Nguyễn Văn T2 thì chúng tôi có biết.

Về tài sản thế chấp tại Ngân hàng đây là tài sản do bố mẹ chúng tôi đã tạo dựng từ lâu, khi đó chúng tôi còn nhỏ nên chúng tôi xác định không có công sức đóng góp gì.

Nay Ngân hàng khởi kiện đối với khoản nợ mà bố mẹ chúng tôi vay. Trường hợp bố mẹ chúng tôi không trả nợ được cho ngân hàng và phải xử lý tài sản thế chấp để trả nợ cho Ngân hàng, chúng tôi không có ý kiến gì.

* Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk phát biểu như sau:

Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa HĐXX và đương sự đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật. Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T2 vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không chấp hành pháp luật vi phạm Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 463, 465, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật tổ chức tín dụng.

Đề nghị HĐXX: Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng N – Chi nhánh huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

Buộc vợ chồng ông T2 bà T3 phải trả cho Ngân hàng tính đến hết ngày 24/4/2020 là 230.935.293 đồng, trong đó: 196.100.000 đồng tiền gốc và 31.092.361 đồng tiền lãi trong hạn, 3.742.932 đồng tiền lãi quá hạn. Từ ngày 25/4/2020 tiếp tục tính lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn trên nợ gốc theo quy định của hợp đồng tín dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là Tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bị đơn có nơi cư trú tại huyện M, tỉnh Đắk Lắk và nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk giải quyết. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T2 bà Trịnh Thị T3 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T4, chị Nguyễn Thị T5 vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ngày 18/12/2017 vợ chồng ông Nguyễn Văn T2 bà Trịnh Thị T3 có ký với Ngân hàng hợp đồng tín dụng số 5210LAV201703058 vay số tiền 200.000.000

đồng, lãi suất 12 %/năm, thời hạn vay là 36 tháng; Phân kỳ trả nợ: Kỳ 1: ngày 18/12/2018 trả 50.000.000 đồng, kỳ 2: ngày 18/12/2019 trả 50.000.000 đồng, kỳ 3: ngày 18/12/2020 trả 100.000.000 đồng, tiền lãi trả theo kỳ gốc. Quá trình thực hiện hợp đồng ông T2 bà T3 mới trả cho Ngân hàng 3.900.000 đồng tiền gốc và 24.937.496 đồng tiền lãi. Hợp đồng tín dụng ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 91 Luật tổ chức tín dụng. Nay đã quá hạn trả nợ kỳ 1, kỳ 2 nhưng bị đơn ông T2 bà T3 không tiếp tục trả nợ gốc và tiền lãi theo thỏa thuận là vi phạm Điều 4, điểm b mục 6.1 Điều 6 của hợp đồng. Như vậy, việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông T2 bà T3 trả toàn bộ dư nợ gốc và lãi tính đến hết ngày 24/4/2020 số tiền 230.935.293 đồng, trong đó: 196.100.000 đồng tiền gốc và 31.092.361 đồng tiền lãi trong hạn, 3.742.932 đồng tiền lãi quá hạn là có cơ sở, cần chấp nhận.

Kể từ ngày 25/4/2020 ông T2 bà T3 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[2.2] Đối với tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất diện tích 6.756m^2 tại Thôn 4, xã C, huyện M và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U258090, thửa số 84 tờ bản đồ số 22 được UBND huyện M, tỉnh Đăk Lăk cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T2 ngày 10/3/2002, hợp đồng thế chấp số H313/2017/BĐTV ngày 14/12/2017. Đây là tài sản thuộc quyền quản lý, sử dụng của vợ chồng ông T2 bà T3 các con ông T2, bà T3 không có công sức đóng góp gì. Hợp đồng thế chấp trên đã được công chứng, chứng thực hợp pháp, đúng theo quy định của pháp luật nên được thừa nhận. Do đó, trường hợp ông T2 bà T3 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ tiền nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

[3] Về án phí: Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn T2 bà Trịnh Thị T3 phải chịu 230.935.293 đồng x 5% = 11.547.000 đồng (làm tròn) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng do vợ chồng ông T2 bà T3 thuộc diện hộ nghèo, có đơn xin miễn án phí. Do đó căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T2 bà Trịnh Thị T3.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ các Điều 463, 465, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật tổ chức tín dụng; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường

vụ quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn T2 bà Trịnh Thị T3 phải trả cho Ngân hàng N số nợ tính đến hết ngày 24/4/2020 là 230.935.293 đồng, trong đó: 196.100.000 đồng tiền gốc và 31.092.361 đồng tiền lãi trong hạn, 3.742.932 đồng tiền lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng số 5210LAV201703058 ngày 18/12/2017.

Kể từ ngày 25/4/2020 ông T2, bà T3 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông T2, bà T3 không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số H313/2017/BĐTV ngày 14/12/2017 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

2. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T2 bà Trịnh Thị T3.

Trả lại cho Ngân hàng N – Chi nhánh huyện M 5.417.000 đồng (*Năm triệu, bốn trăm mười bảy nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0003388 ngày 20/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M'Đrắk.

3. Thông báo quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrắk;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án (nếu có);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Đình Nam